TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/DS-ST

Ngày: 08 – 8 – 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Bùi Thanh Đương.

Bà Võ Hân Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2017/TLST – DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2017/QĐXXST-DS ngày 05/7/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tăng Văn T, sinh năm 1952. (Có mặt)

Địa chỉ: khóm M, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:*

1/ Bà Hồ Thu H, sinh năm 1974. (Có mặt)

2/ Ông Tống Phước D, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm M, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hồ Thị Tuyết Nh (Hồ Tuyết Nh), sinh năm 1977. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: khóm M, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2017 nguyên đơn ông Tăng Văn T trình bày như sau:* Vào ngày 09/8/2016 bà Hồ Thu H cùng chồng là ông Tống Phước D có thiếu ông số tiền 92.500.000 đồng có làm giấy tay thời hạn 08 tháng sau hoàn trả đầy đủ nhưng vì hoàn cảnh khó khăn bán đất chưa được nên tiếp tục thương lượng với ông cho vay thêm số tiền 100.000.000 đồng, tiền góp mỗi ngày là 500.000 đồng thời hạn góp là 200 ngày cho đến khi hết vốn. Việc bà H, ông D mượn tiền và vay tiền hai bên đều có làm giấy tay, khi bà H vay số tiền 100.000.000 đồng thì có bà Hồ Thị Tuyết Nh (Ký trong biên nhận là Hồ Tuyết Nh) đứng ra bảo lãnh ông mới cho vay nếu vợ chồng ông D và bà H không có khả năng trả thì bà Nh đứng ra trả số tiền này. Sau khi vay mượn thì vợ chồng bà H không đóng cho ông khoản tiền nào và hẹn lần hẹn lượt khi nào bán được đất thì sẽ trả hết tiền cho ông nhưng đến nay vẫn không trả cho ông.

Tại phiên tòa, ông T yêu cầu bà Hồ Thu H và ông Tống Phước D phải trả cho ông là 192.500.000 đồng (Trong đó tiền mượn 92.500.000đồng và tiền vay 100.000.000đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Nếu ông D và bà H không không có khả năng trả thì bà Hồ Thị Tuyết Nh (Hồ Tuyết Nh) phải đứng ra trả số tiền bảo lãnh cho ông là 100.000.000 đồng.

- *Tại biên bản lấy khai ngày 10/7/2018 bị đơn ông Tống Phước D và bà Hồ Thu H trình bày như sau:*

Chữ ký trong giấy thiếu tiền ngày 09/8/2016 dương lịch và giấy vay tiền ngày 04/02/2017 dương lịch là chữ ký của bà H còn chữ ký của ông D thì không phải, tuy nhiên ông bà cũng không yêu cầu giám định chữ ký của ông D. Do bà H và ông T làm ăn rất nhiều lần, đối với 02 biên nhận nêu trên thì bà H thừa nhận có ký vào tuy nhiên khi ký vào thì trong biên nhận còn trống chưa ghi nội dung nên bà H kêu ông T bỏ 02 biên nhận đó đưa biên nhận khác để chính tay bà H viết nội dung số tiền thiếu bao nhiêu rồi bà mới ký. Do sơ suất khi ra về mà bà H không lấy biên nhận xé bỏ nên ông T lấy 02 biên nhận đó lại và ghi nội dung bà H có vay tiền của ông T là không đúng. Khi nào biên nhận do chính tay bà H ghi nội dung vào thì ông bà mới đồng ý trả còn ông T tự ghi vào là không đúng. Thực tế bà H không có mượn tiền ông T, vì ông T chỉ cho tiền góp, số tiền bà H nợ ông T là tiền hụi, tuy nhiên việc chơi hụi thì chỉ có bà H và ông T biết. Tại phiên tòa, bà H thừa nhận hiện nay còn thiếu ông T số tiền 150.000.000đồng, bà H có trả góp cho ông T mỗi ngày 700.000đ, bà H đã trả được 26.250.000 đồng, khi trả tiền thì không làm giấy tờ gì hết chỉ có vợ chồng bà và ông T biết. Nay bà H yêu cầu trừ số tiền đã trả 26.250.000đồng vào số tiền hụi còn thiếu 150.000.000đồng, còn lại bao nhiêu thì vợ chồng bà H xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên.

- *Tại biên bản lấy khai ngày 10/7/2018 bà Hồ Thị Tuyết Nh (Hồ Tuyết Nh) trình bày như sau:*

Chữ ký trong giấy vay tiền ngày 04/02/2017 dương lịch là chữ ký của bà và bà H, bà kỳ vào giấy vay tiền đó là nhằm mục đích bảo lãnh cho bà H vay tiền của ông T vì bà và ông T quen biết nhau và làm ăn qua lại rất nhiều lần. Đối với biên nhận nêu trên khi bà và bà H trực tiếp qua nhà ông T vay tiền và ký vào tuy nhiên khi ký vào thì trong biên nhận còn trống chưa ghi nội dung nên bà và bà H kêu ông T bỏ biên nhận đó đưa biên nhận khác để chính tay bà H viết nội dung số tiền thiếu bao nhiêu rồi bà và bà H mới ký lại. Do sơ suất khi ra về mà không lấy biên nhận xé bỏ nên ông T lấy biên nhận đó lại và ghi nội dung bà H mượn tiền là không đúng vì ông T cho vay trả góp. Khi nào biên nhận do chính tay bà H ghi nội dung vào thì bà mới đồng ý bảo lãnh cho bà H vay tiền còn ông T tự ghi vào là không đúng, bà không đồng ý theo yêu cầu của ông T.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm:* Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tăng Văn T, buộc vợ chồng bà Hồ Thu H và ông Tống Phước D phải trả tổng số tiền cho ông T là 192.500.000 đồng, không tính lãi suất. Nếu ông D và bà H không trả thì bà Hồ Thị Tuyết Nh (Hồ Tuyết Nh) phải đứng ra trả cho ông T số tiền bảo lãnh là 100.000.000 đồng ký ngày 04/02/2017 dương lịch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn ông Tống Phước D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ba Hồ Thị Tuyết Nh vắng mặt, nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt; do đó, HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Theo đơn khởi kiện, ông Tăng Văn T cho rằng vào ngày 09/8/2016 bà Hồ Thu H cùng chồng là ông Tống Phước D có thiếu ông số tiền 92.500.000 đồng có làm giấy tay thời hạn 08 tháng sau hoàn trả đầy đủ nhưng vì hoàn cảnh khó khăn bán đất chưa được nên tiếp tục thương lượng với ông cho vay thêm số tiền 100.000.000 đồng, tiền góp mỗi ngày là 500.000 đồng thời hạn góp là 200 ngày, có làm giấy tay, việc vay số tiền 100.000.00 đồng này có bà Hồ Thị Tuyết Nh đứng ra bảo lãnh nếu vợ chồng ông D và bà H không có khả năng trả thì bà Nh đứng ra trả số tiền này. Sau khi vay mượn đến nay, vợ chồng bà H, ông D không trả cho ông khoản tiền nào. Ông yêu cầu bà Hồ Thu H và ông Tống Phước D phải trả cho ông tổng số tiền là 192.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Nếu ông D và bà H không có khả năng trả thì bà Hồ Thị Tuyết Nh (Hồ Tuyết Nh) phải đứng ra trả số tiền bảo lãnh là 100.000.000 đồng.

[3] Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, phiá nguyên đơn ông T có cung cấp 01 giấy thiếu tiền ngày 09/8/2016 dương lịch có người thiếu nợ là bà Hồ Thu H và ông Tống Phước D ký xác nhận với nội dung là bà H và ông D thiếu tiền của ông T 92.500.000 đồng và 01 giấy vay tiền ngày 04/02/2017 dương lịch có người vay tiền là bà Hồ Thu H ký xác nhận và bà Hồ Thị Tuyết Nh ký bảo lãnh với nội dung là bà H vay tiền của ông T 100.000.000 đồng. Đồng thời bà H và bà Nh cũng thừa nhận chữ ký đó là của bà trong biên nhận. Việc thỏa thuận vay tiền giữa ông T với bà H, ông D là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự, phù hợp với quy định tại Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự 2015, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 119, 398, 463 của Bộ luật Dân sự 2015 và hợp đồng đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự nhưng đến nay bà H và ông D vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở để xác định phía bị đơn bà H và ông D có thiếu và vay tiền ông T tổng số tiền 192.500.000 đồng chưa trả. Tại phiên tòa, bà H thừa nhận dùng số tiền của ông T về để phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung trong gia đình và tại biên bản lấy khai ngày 10/7/2018 ông D biết bà H có nợ tiền ông T nhưng cũng không có ý kiến phản đối gì. Do đó, việc ông T yêu cầu bà H và ông D cùng có trách nhiệm trả cho ông số tiền 192.500.000đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, bà H cho rằng bà có thiếu tiền hụi của ông T là 150.000.000 đồng, số tiền này là của nhiều dây hụi gọp lại, việc thiếu tiền hụi thỏa thuận trả mỗi ngày 700.000đ cho đến khi hết số tiền 150.000.000đồng. Bà có trả được cho ông T 26.250.000 đồng, việc chơi hụi và trả tiền thì chỉ có bà và ông T biết, không có làm giấy tờ gì. Nay bà yêu cầu trừ số tiền đã trả vào số tiền hụi còn thiếu còn lại bao nhiêu thì bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Việc bà H cho rằng bà thiếu tiền hụi ông T 150.000.000đồng, bà có trả tiền cho ông T được 26.250.000đồng nhưng tại phiên tòa bà không cung cấp được các chứng cứ chứng minh cũng như việc trả tiền không ai biết, ông T không thừa nhận có nhận tiền của bà H. Đồng thời, tiêu đề của hai biên nhận ông T cung cấp có ghi "*Giấy thiếu tiền*" và "*Giấy vay tiền*". Do đó, lời trình bày của bà H là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[5] Đối với việc ông D và bà H xin trả dần cho ông T mỗi tháng 1.000.000 đồng tiền vốn đến khi hết số tiền còn thiếu lại, tại phiên tòa ông T không đồng ý, nên không có căn cứ để HĐXX chấp nhận. Về lãi suất: Ông T không có yêu cầu tính lãi suất nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Bà Nh cho rằng bà ký vào giấy vay tiền với mục đích bảo lãnh tuy nhiên do ông T viết nội dung trong giấy vay tiền nên bà không đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo yêu cầu của ông T. Xét thấy, bà Nh đã thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền ngày 04/02/2017 là của bà, mục đích ký là để bảo lãnh cho bà H vay tiền ông T nên có

đủ căn cứ xác định bà Nh là người bảo lãnh cho bà H. Theo quy định tại khoản 2 Điều 335 của Bộ luật Dân sự năm 2015: "*Các bên có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh"*. Vì vậy, ông Tuấn yêu cầu bà Nh phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà H, ông D trong trường hợp vợ chồng bà H, ông D không có khả năng trả nợ là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Tăng Văn T được HĐXX chấp nhận, nên ông T không phải chịu tiền án phí. Ông D và bà H phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117, Điều 119; Điều 280; Khoản 2 Điều 335; khoản 2 Điều 336; Điều 398; Điều 401; Điều 463; khoản 1 Điều 470 và khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Hồ Thu H và ông Tống Phước D trả cho ông Tăng Văn T số tiền còn thiếu 92.500.000 đồng *(Chín mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng)* và số tiền vay là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*. Tổng cộng 192.500.000đồng (*Một trăm chín mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Tăng Văn T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Hồ Thu H và ông Tống Phước D còn phải trả lãi cho ông T theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

2/ Về nghĩa vụ bảo lãnh: Nếu bà Hồ Thu H và ông Tống Phước D không có khả năng thanh toán số tiền vay 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* cho ông T, thì bà Hồ Thị Tuyết Nh (Hồ Tuyết Nh) có trách nhiệm trả số tiền vốn 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* và tiền lãi chậm thi hành án cho ông T thay cho ông D, bà H.

3/ Về án phí sơ thẩm: Bà Hồ Thu H và ông Tống Phước D phải chịu số tiền 9.625.000 đồng (*Chín triệu, sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Tăng Văn T không phải chịu án phí.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014)*, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Nơi nhận*:
-VKSND thị xã Ngã Năm;
-T.H.A dân sự TX Ngã Năm;
-TAND tỉnh ST;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Anh Tuấn